BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3338 /GCN-TTTV

Hà Nội, ngày 01 tháng 10 năm 2025

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM

Căn cứ Quyết định số 58/QĐ-BNNMT ngày 01 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Quyết định số 3322/QĐ-BNN-KHCN ngày 08/8/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao nhiệm vụ cho Thủ trưởng các Tổng cục, Cục, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường về cấp, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận; chỉ định tổ chức kiểm định, giám định lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn;

Theo công văn số 1062/KHCN ngày 30/9/2025 của Vụ Khoa học và công nghệ về việc cấp mã số cho tổ chức hoạt động thử nghiệm giống cây trồng;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Khoa học công nghệ, Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật chứng nhận:

1. Trung tâm khảo kiểm nghiệm giống, sản phẩm cây trồng Quốc gia

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 06 Nguyễn Công Trứ, phường Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

- Địa chỉ thử nghiệm tại miền Nam: Trạm Khảo kiểm nghiệm giống, sản phẩm cây trồng Nam Bộ (số 135A Pasteur, phường Xuân Hoà, thành phố Hồ Chí Minh. Điện thoại: 0283.8229085).

- Địa điểm thử nghiệm tại miền Trung: Trạm Khảo kiểm nghiệm giống, sản phẩm cây trồng Miền Trung (số 291 Hùng Vương, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi. Điện thoại: 02553.828889).

Đã đăng ký hoạt động thử nghiệm đối với ngành nông nghiệp trong lĩnh vực sinh học (hạt giống cây trồng) tại Trạm Khảo kiểm nghiệm giống, sản phẩm cây trồng Nam Bộ (Phụ lục 1 kèm theo) và Trạm Khảo kiểm nghiệm giống, sản phẩm cây trồng Miền Trung (Phụ lục 2 kèm theo).

2. Số đăng ký hoạt động thử nghiệm: **TN 160 - 25 BNN**.

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến ngày 23/11/2027./.

Nơi nhận:
- Như mục 1;
- Cục trưởng (để b/c);
- Bộ KHCN;
- Vụ KH&CN;
- Cục Chuyển đổi số;
- Văn phòng Bộ (đăng website Bộ);
- Văn phòng Cục (đăng website Cục);
- Lưu: VT, KHTH.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT
BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Quý Dương

Phụ lục 1
Phạm vi đăng ký hoạt động thử nghiệm hạt giống cây trồng tại Trạm Khảo kiểm nghiệm giống, sản phẩm cây trồng Nam Bộ

(Kèm theo Giấy chứng nhận số 3338 /GCN-TTTV ngày 01 tháng 10 năm 2025)

STT	Hạt giống cây trồng thuộc loài	Tên khoa học	Tên phép thử	Phương pháp thử
1	Lúa	*Oryza sativa* L.	Độ sạch; Hạt khác loài/hạt cỏ dại; Hạt khác giống; Nảy mầm; Độ ẩm; Khối lượng 1000 hạt	TCVN 8548:2011
2	Ngô	*Zea mayz* L.	Độ sạch; Hạt khác giống; Nảy mầm; Độ ẩm	TCVN 8548:2011
3	Đậu tương	*Glycine max* (L.) Merr.	Độ sạch; Hạt khác giống; Nảy mầm; Độ ẩm	TCVN 8548:2011
4	Lạc	*Arachis hypogea* L.	Độ sạch; Hạt khác giống; Nảy mầm; Độ ẩm	TCVN 8548:2011
5	Bầu	*Lagenaria siceraria* (Molina) Standl.	Độ sạch; Nảy mầm	TCVN 8548:2011
6	Bí đao	*Benincasa hispida* (Thunb.) Cogn.	Độ sạch; Nảy mầm	TCVN 8548:2011
7	Bí ngô	*Cucurbita pepo* L.	Độ sạch; Nảy mầm; Độ ẩm	TCVN 8548:2011
8	Bí rợ	*Cucurbita maxima* Duch.	Độ sạch; Nảy mầm; Độ ẩm	TCVN 8548:2011
9	Cà	*Solanum melongena* L.	Độ sạch; Nảy mầm; Độ ẩm	TCVN 8548:2011
10	Cà chua	*Lycopersicum esculentum* M.	Độ sạch; Nảy mầm; Độ ẩm	TCVN 8548:2011
11	Cà rốt	*Daucus carota* L.	Độ sạch; Nảy mầm; Độ ẩm	TCVN 8548:2011
12	Cải bắp	*Brassica oleracea var. capitata* L.	Độ sạch; Nảy mầm; Độ ẩm	TCVN 8548:2011
13	Cải bẹ	*Brassica campestris* L.	Độ sạch; Nảy mầm; Độ ẩm	TCVN 8548:2011
14	Cải củ	*Raphanus sativus* L.	Độ sạch; Nảy mầm; Độ ẩm	TCVN 8548:2011
15	Cải cúc	*Chrysanthemum coronarium* L.	Độ sạch; Nảy mầm	TCVN 8548:2011

16	Cải thìa	*Brassica chinensis* L.	Độ sạch; Nảy mầm; Độ ẩm	TCVN 8548:2011
17	Cải xanh	*Brassica cernua* Forb. et Hem..	Độ sạch; Nảy mầm; Độ ẩm	TCVN 8548:2011
18	Cải xoong	*Nasturtium afficinale* R.Br.	Độ sạch; Nảy mầm	TCVN 8548:2011
19	Cao lương	*Sorghum bicolor* (L.) Moe.	Độ sạch; Nảy mầm; Độ ẩm	TCVN 8548:2011
20	Củ cải đường	*Beta vulgaris* L.	Độ sạch; Nảy mầm; Độ ẩm	TCVN 8548:2011
21	Dưa bở, Dưa gang	*Cucumis melo* L.	Độ sạch; Nảy mầm; Độ ẩm	TCVN 8548:2011
22	Dưa chuột	*Cucumis sativus* L.	Độ sạch; Nảy mầm; Độ ẩm	TCVN 8548:2011
23	Dưa hấu	*Citrullus lanatus* (Thumb)M&N	Độ sạch; Nảy mầm; Độ ẩm	TCVN 8548:2011
24	Đậu bắp	*Abelmoschus esculentus (*L.*)* Moench	Độ sạch; Nảy mầm	TCVN 8548:2011
25	Đậu đen	*Vigna cylindrica* L.	Độ sạch; Nảy mầm; Độ ẩm	TCVN 8548:2011
26	Đậu đỏ	*Vigna angularis* Ohw.ex Oha.	Độ sạch; Nảy mầm; Độ ẩm	TCVN 8548:2011
27	Đậu đũa	*Vigna unguiculata* (L.) Walp.	Độ sạch; Nảy mầm; Độ ẩm	TCVN 8548:2011
28	Đậu Hà Lan	*Pisum sativum* L.	Độ sạch; Nảy mầm; Độ ẩm	TCVN 8548:2011
29	Đậu nho nhe	*Vigna umbellata* Ohw.ex Oha.	Độ sạch; Nảy mầm; Độ ẩm	TCVN 8548:2011
30	Đậu ngự	*Phasaeolus lutanus* L.	Độ sạch; Nảy mầm; Độ ẩm	TCVN 8548:2011
31	Đậu rồng	*Psophocarpus tetragonolobus* (L.) D.C.	Độ sạch; Nảy mầm	TCVN 8548:2011
32	Đậu tây	*Phasaeolus vulgaris* L.	Độ sạch; Nảy mầm; Độ ẩm	TCVN 8548:2011
33	Đậu xanh	*Vigna radiata* (L.) Wilczek	Độ sạch; Hạt khác giống; Nảy mầm; Độ ẩm	TCVN 8548:2011
34	Đậu ván	*Lablab purpureus* (L.) Sweet	Độ sạch; Nảy mầm	TCVN 8548:2011
35	Hành ta	*Allium fistulosum* L.	Độ sạch; Nảy mầm; Độ ẩm	TCVN 8548:2011
36	Hành tây	*Allium cepa* L.	Độ sạch; Nảy mầm; Độ ẩm	TCVN 8548:2011

37	Hành tăm	*Allium porrum* L.	Độ sạch; Nảy mầm; Độ ẩm	TCVN 8548:2011
38	Hành thơm	*Allium schoenoprasum* L.	Độ sạch; Nảy mầm; Độ ẩm	TCVN 8548:2011
39	Hẹ	*Allium tuberosum* L.	Độ sạch; Nảy mầm; Độ ẩm	TCVN 8548:2011
40	Mướp đắng	*Momordica charantia* L.	Độ sạch; Nảy mầm	TCVN 8548:2011
41	Mướp hương	*Luffa acutangula* L. Roxb.	Độ sạch; Nảy mầm	TCVN 8548:2011
42	Mướp ta	*Luffa cylindrica* L.	Độ sạch; Nảy mầm	TCVN 8548:2011
43	Ớt	*Capsicum sp.*	Độ sạch; Nảy mầm; Độ ẩm	TCVN 8548:2011
44	Rau cần	*Apium graveolens* L.	Độ sạch; Nảy mầm; Độ ẩm	TCVN 8548:2011
45	Rau dền	*Amaranthus tricolor* L.	Độ sạch; Nảy mầm	TCVN 8548:2011
46	Rau mùi	*Coriandrum sativum* L.	Độ sạch; Nảy mầm	TCVN 8548:2011
47	Rau muống	*Ipomoea aquatica* Fors.	Độ sạch; Nảy mầm	TCVN 8548:2011
48	Su hào	*Brassica oleracea var. caulorapa* L.	Độ sạch; Nảy mầm; Độ ẩm	TCVN 8548:2011
49	Su-lơ	*Brassica oleracea var. botrytis* L.	Độ sạch; Nảy mầm; Độ ẩm	TCVN 8548:2011
50	Su-su	*Sechium edule* (J.) Swartz.	Độ sạch; Nảy mầm	TCVN 8548:2011
51	Vừng	*Sesamum indicum* L.	Độ sạch; Nảy mầm; Độ ẩm	TCVN 8548:2011
52	Xà-lách	*Lactuca sativa* L.	Độ sạch; Nảy mầm; Độ ẩm	TCVN 8548:2011

Phụ lục 2
Phạm vi đăng ký hoạt động thử nghiệm hạt giống cây trồng
tại Trạm Khảo kiểm nghiệm giống, sản phẩm cây trồng miền Trung
(Kèm theo Giấy chứng nhận số3338 /GCN-TTTV ngày01 tháng10 năm 2025)

STT	Đối tượng thử nghiệm	Tên khoa học	Tên phép thử	Phương pháp thử
1	Hạt giống lúa	*Oryza sativa* L.	Độ sạch; Hạt khác loài/hạt cỏ dại; Hạt khác giống; Nảy mầm; Độ ẩm; Khối lượng 1000 hạt	TCVN 8548 :2011
2	Hạt giống ngô	*Zea mayz* L.	Độ sạch; Hạt khác giống; Nảy mầm; Độ ẩm	TCVN 8548:2011
3	Hạt giống đậu tương	*Glycine max* (L.) Merr.	Độ sạch; Hạt khác giống; Nảy mầm; Độ ẩm	TCVN 8548:2011
4	Hạt giống lạc	*Arachis hypogea* L.	Độ sạch; Hạt khác giống; Nảy mầm; Độ ẩm	TCVN 8548:2011
5	Hạt giống bầu	*Lagenaria siceraria* (Molina) Standl.	Độ sạch; Nảy mầm	TCVN 8548:2011
6	Hạt giống bí đao	*Benincasa hispida* (Thunb.) Cogn.	Độ sạch; Nảy mầm	TCVN 8548:2011
7	Hạt giống bí ngô	*Cucurbita pepo* L.	Độ sạch; Nảy mầm; Độ ẩm	TCVN 8548:2011
8	Hạt giống bí rợ	*Cucurbita maxima* Duch.	Độ sạch; Nảy mầm; Độ ẩm	TCVN 8548:2011
9	Hạt giống cải thìa	*B. chinensis* L.	Độ sạch; Nảy mầm; Độ ẩm	TCVN 8548:2011
10	Hạt giống cải xanh	*Brassica cernua* Forb. et Hem.	Độ sạch; Nảy mầm; Độ ẩm	TCVN 8548:2011
11	Hạt giống dưa bở, dưa gang	*Cucumis melo* L.	Độ sạch; Nảy mầm; Độ ẩm	TCVN 8548:2011
12	Hạt giống dưa chuột	*Cucumis sativus* L.	Độ sạch; Nảy mầm; Độ ẩm	TCVN 8548:2011
13	Hạt giống dưa hấu	*Citrullus lanatus* (Thumb)M&N	Độ sạch; Nảy mầm; Độ ẩm	TCVN 8548:2011
14	Hạt giống đậu bắp	*Abelmoschus esculentus* (L.) Moench	Độ sạch; Nảy mầm	TCVN 8548:2011
15	Hạt giống đậu đen	*Vigna cylindrica* L.	Độ sạch; Nảy mầm; Độ ẩm	TCVN 8548:2011
16	Hạt giống đậu đỏ	*Vigna angularis* Ohw.ex Oha.	Độ sạch; Nảy mầm; Độ ẩm	TCVN 8548:2011
17	Hạt giống đậu đũa	*Vigna unguiculata* (L.) Walp.	Độ sạch; Nảy mầm; Độ ẩm	TCVN 8548:2011
18	Hạt giống đậu Hà Lan	*Pisum sativum* L.	Độ sạch; Nảy mầm; Độ ẩm	TCVN 8548:2011

19	Hạt giống đậu ngự	*Phasaeolus lutanus* L.	Độ sạch; Nảy mầm; Độ ẩm	TCVN 8548:2011
20	Hạt giống đậu rồng	*Psophocarpus tetragonolobus* (L.) D.C.	Độ sạch; Nảy mầm	TCVN 8548:2011
21	Hạt giống đậu xanh	*Vigna radiata* (L.) Wilczek	Độ sạch; Nảy mầm; Độ ẩm	TCVN 8548:2011
22	Hạt giống đậu ván	*Lablab purpureus* (L.) Sweet	Độ sạch; Nảy mầm	TCVN 8548:2011
23	Hạt giống mướp đắng	*Momordica charantia* L.	Độ sạch; Nảy mầm	TCVN 8548:2011
24	Hạt giống mướp hương	*Luffa acutangula* (L.) Roxb.	Độ sạch; Nảy mầm	TCVN 8548:2011
25	Hạt giống mướp ta	*Luffa cylindrica* L.	Độ sạch; Nảy mầm	TCVN 8548:2011
26	Hạt giống ớt	*Capsicum sp.*	Độ sạch; Nảy mầm; Độ ẩm	TCVN 8548:2011
27	Hạt giống rau dền	*Amaranthus tricolor* L.	Độ sạch; Nảy mầm	TCVN 8548:2011
28	Hạt giống rau muống	*Ipomoea aquatica* Fors.	Độ sạch; Nảy mầm	TCVN 8548:2011